

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 45/2024/DS-GĐT

Ngày 14-6-2024

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng  
tham gia xét xử gồm:***

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường và ông Nguyễn Tấn Long

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thẩm tra viên.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa:*** Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Thế T**, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Số A Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 11-02-2023):*

Ông **Bùi Đức S**; địa chỉ cư trú: Số B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1.** Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**3.2.** Bà **Nguyễn Thị Kim S1**, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Số A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**3.3.** Ông **Nguyễn Thế T1**, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Số A C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**3.4.** Ông **Nguyễn Thế T2**, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Số A Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**3.5.** Ông **Nguyễn Thế H1**, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**3.6. Bà Nguyễn Thị Kim H2**, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**3.7. Bà Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 11-02-2023):*

Ông **Bùi Đức S**; địa chỉ cư trú: Số B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1.]. Nguyên đơn, ông Nguyễn Thế T:

Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là bố mẹ ông. Quá trình sinh sống hai cụ sinh được 10 người con, gồm: Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S1, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y (sinh năm 1976, đã chết năm 1994, khi đang là học sinh, chưa có chồng con).

Cụ Nguyễn Văn M chết năm 2009, cụ Huỳnh Thị H3 chết năm 1991, hai cụ đều không để lại di chúc và có để lại tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77 m<sup>2</sup>, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nay, do những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 không thống nhất được việc tự phân chia di sản thừa kế của hai cụ, nên nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của hai cụ là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77 m<sup>2</sup> cho hàng thừa kế thứ nhất, mỗi người một phần bằng nhau theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có nguyện vọng nhận đất và nhà, đồng thời thanh toán giá trị bằng tiền cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ.

[2.]. Bị đơn, bà Nguyễn Thị Kim D:

Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là bố mẹ bà, hai cụ có 10 người con là bà (D), Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S1, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y (sinh năm 1976, đã chết năm 1994, khi chết mới 18 tuổi, chưa có chồng con).

Cụ Nguyễn Văn M chết năm 2009, cụ Huỳnh Thị H3 chết năm 1991 (đều không để lại di chúc) và có để lại tài sản là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, tài sản này chưa được chia thừa kế. Nay, các anh em trong gia đình không thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được, có sự tranh chấp nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3.]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Các ông (bà) Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S1, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2 và Nguyễn Thị Kim L:

Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là bố mẹ các ông bà. Quá trình sinh

sống, hai cụ tạo lập được khối tài sản như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, do hai cụ không để lại di chúc, nên các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chia di sản thừa kế của cụ hai cụ cho hàng thừa kế thứ nhất, mỗi người một phần bằng nhau. Nếu không chia bằng hiện vật được, thì chia giá trị bằng tiền.

- Ông Nguyễn Thế T1:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3, hai cụ có 10 người con gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S1, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y (sinh năm 1976, chết năm 1994, khi đang là học sinh, chưa có chồng con).

Cụ Nguyễn Văn M chết năm 2009, cụ Huỳnh Thị H3 chết năm 1991, cả hai cụ đều không để lại di chúc và có để lại tài sản chung là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là căn nhà xây cấp 4, tại phường T, thành phố B; thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ M. Sau khi hai cụ chết, các anh chị em trong gia đình cũng đã nhiều lần thỏa thuận với nhau để phân chia tài sản, nhưng do không thống nhất được nên tài sản chưa được phân chia.

Tuy nhiên, ông không đồng ý yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất, mà để lại thửa đất này làm nơi thờ cúng, nhà từ đường đúng như nguyện vọng của cụ M lúc còn sống.

Nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22-5-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quyết định:

Căn cứ Điều 4, Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 70, 147, 156, 157, 164, 165, 220, 244 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 624, 630, 631, 645, 649, 650, 651, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 106 của Luật Đất đai năm 2003 và Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thế T.

- Về di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77 m<sup>2</sup>, trị giá 4.587.425.000 đồng.

- Về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 gồm: Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S1, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2 và Nguyễn Thị Kim L.

Được chia bằng tiền cụ thể: 4.587.425.000 đồng/9 người = 509.713.888 đồng.

Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S1, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2 và Nguyễn Thị Kim L mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau, thành tiền là 509.713.888 đồng.

Giao cho ông Nguyễn Thế T được quyền quản lý, sở hữu di sản thừa kế của cụ M và cụ H3 là Quyền sử dụng thuộc thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77 m<sup>2</sup> tọa lạc tại: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Thế T có trách nhiệm trả cho các ông, bà Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S1, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2 và Nguyễn Thị Kim L, mỗi người với số tiền là 509.713.888 đồng.

Ông Nguyễn Thế T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05-6-2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm về hình thức và nội dung, áp dụng pháp luật không đúng, tuyên án vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phân chia di sản là đất dùng để thờ cúng là vi phạm nghiêm trọng điều cấm của pháp luật.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 269/2023/DS-PT ngày 22-8-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế T1.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22-5-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí phúc thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08-11-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế T1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, đề nghị kháng nghị hủy bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 15/KN-DS ngày 24/5/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 269/2023/DS-PT ngày 22-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị: Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về di sản thừa kế và hàng thừa kế:

Quá trình chung sống, cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 có tạo lập được tài sản chung là 01 thửa đất có diện tích 5.010,4 m<sup>2</sup>. Cụ Huỳnh Thị H3 chết ngày 12-02-1991 (không để lại di chúc). Sau khi cụ H3 chết; ngày 01-6-2005, Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 424047 cho hộ ông Nguyễn Văn M, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 29, diện tích 5.010,4 m<sup>2</sup> tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, xác định di sản thừa kế của cụ H3 là  $\frac{1}{2}$  diện tích đất nêu trên và phần di sản của cụ H3 trong khối tài sản chung với cụ M chưa được chia. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Cụ Huỳnh Thị H3 chết ngày 12-02-1991, nhưng đến ngày 12-8-2022, ông Nguyễn Thế T mới nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H3 là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Như vậy, di sản mà cụ H3 để lại được chuyển thành tài sản chung của các đồng thừa kế, bao gồm: Cụ Nguyễn Văn M và 09 người con gồm các ông (bà): Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S1, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2 và Nguyễn Thị Kim L (do con chung Nguyễn Thị Kim Y chết năm 1994).

[2]. Về phân chia di sản thừa kế:

Ngày 02-3-2002, giữa cụ Nguyễn Văn M và 09 người con lập Biên bản họp gia đình liên quan đến nội dung chia tiền bán căn nhà tại số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, cũng như thống nhất sử dụng một số tiền từ nguồn tiền bán nhà vào việc chăm sóc cụ M (biên bản được cụ M và 09 người con cùng ký tên) và ngày 14-10-2002, giữa cụ Nguyễn Văn M và 09 người con tiếp tục lập Biên bản họp gia đình và đã thống nhất chia cho từng người con, mỗi người được một phần đất, trong tổng diện tích đất của cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 (biên bản này được các thành viên trong gia đình cùng ký tên và được Khôi phố xác nhận). Như vậy, có đủ căn cứ để xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3; trong đó, phần di sản của cụ Huỳnh Thị H3 và phần tài sản của cụ Nguyễn Văn M đã được cụ M và 09 người con thỏa thuận, thống nhất phân chia.

[3]. Xem xét nội dung của các biên bản họp gia đình:

Tại Biên bản họp gia đình ngày 02-3-2002, cụ Nguyễn Văn M và các con là Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S1, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2 và Nguyễn Thị Kim L cùng thỏa thuận, thống nhất nội dung chia tiền bán căn nhà tại số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, cũng như việc sử dụng một phần tiền từ

nguồn tiền bán căn nhà vào việc chăm sóc cụ M; ngoài ra, tại M - Biên bản họp gia đình nêu rõ: *“Phần căn nhà mới xây... ông Nguyễn Văn M sẽ về ở và được làm NHÀ TỪ ĐƯỜNG, tuyệt đối không được cho ai thuê, không được mua bán hoặc tranh chấp (kể cả con cháu). Căn nhà này chỉ dùng để thờ cúng, giỗ chạp TỔ TIÊN - ÔNG, BÀ muôn đời”*; biên bản này được cụ M và 09 người con cùng ký tên.

Tại Biên bản họp gia đình ngày 14-10-2002, cụ Nguyễn Văn M và các con là Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S1, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2 và Nguyễn Thị Kim L tiếp tục thống nhất về việc chia đất cụ thể cho từng người. Trong đó, phần diện tích đất của cụ M nhận, cụ M có yêu cầu: *“Kể cả lúc ông M còn sống hoặc qua đời, phần đất chiều ngang 10 m x dài 30 m được dùng làm NHÀ TỪ ĐƯỜNG, các con cháu, chắt không được tranh chấp, không lấn chiếm ở, vì diện tích đất ông M đã chia xong, con trai cũng như con gái”*; biên bản này được cụ M và 09 người con cùng ký tên và được Khối phố xác nhận.

Căn cứ nội dung ghi ý kiến của cụ Nguyễn Văn M tại 02 biên bản họp gia đình đều thể hiện tâm nguyện của cụ M; theo đó, sau khi cụ M đã chia đều tài sản của hai cụ cho các con chung, cụ dành diện tích đất của mình để làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên. Tâm nguyện của cụ M là hoàn toàn phù hợp với phong tục tập quán, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam. Do đó, có cơ sở để khẳng định ý kiến của cụ M tại 02 biên bản họp gia đình là di chúc của cụ đối với phần tài sản của mình sẽ dùng vào việc thờ cúng.

Tại khoản 1 Điều 645 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về Di sản dùng vào việc thờ cúng quy định:

*“1. Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó **không được chia thừa kế** và được giao cho người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng.*

*Trường hợp người để lại di sản không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng thì những người thừa kế cử người quản lý di sản thờ cúng... ”.*

Toà án cấp sơ thẩm xác định: *“... Ý kiến của cụ Nguyễn Văn M tại 02 biên bản họp gia đình chỉ là ý chí, mong muốn của cụ Nguyễn Văn M, không phải là di chúc vì không thỏa mãn các điều kiện quy định tại các Điều 624, 630, 631 và 645 của Bộ luật Dân sự...”* và *“... Giao di sản của cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, có diện tích 227,5 m<sup>2</sup> cho nguyên đơn là ông Nguyễn Thế T...”* là không đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện. Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm, từ đó giữ nguyên bản án sơ thẩm là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án, không thực hiện đúng ý chí, nguyện vọng của người để lại di chúc.

[4]. Do Tòa án hai cấp có kết luận không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, dẫn đến việc ra bản án không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích

hợp pháp của đương sự, nên cần phải giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do có đủ cơ sở để xác định ý kiến của cụ Nguyễn Văn M tại 02 biên bản họp gia đình là di chúc của cụ, theo đó cụ dành diện tích đất của mình làm nơi thờ cúng, nên chỉ cần hủy bản án phúc thẩm để Tòa án cấp phúc thẩm tạo điều kiện cho những người thừa kế cử người quản lý di sản thờ cúng; trường hợp, những người thừa kế chưa cử được người quản lý di sản, thì Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 616 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 15/KN-DS ngày 24/5/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 15/KN-DS ngày 24/5/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 269/2023/DS-PT ngày 22-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (Kèm hồ sơ vụ án);
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột (để biết);
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tào**